|  |
| --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**  TrưỜng ĐẠi HỌC CÔNG NGhiỆp hà nỘi  bÁO CÁO ĐỒ ÁN THỰC TẬP ( TUẦN 2 -3): |
| Đặc tả yêu cầu phần mềm |
| Trang tuyển dụng |
|  |
| Giáo viên hướng dẫn: Trần Thị Tâm  Sinh viên: Nguyễn Tiến Mạnh |
| **Hà Nội ngày 27 tháng 3 năm2012** |

**Lịch sử thay đổi**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Mục thay đổi** | **Mô tả** | **Người cập nhật** | **Phiên bản** |
| 2012/03/28 | Tạo mới | Xây dựng tài liệu |  | 0.1 |
| 2012/03/29 | Tạo mới | Đặc tả yêu cầu người dung |  | 0.2 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# Mục lục

[Mục lục 2](#_Toc321662664)

[I. Đặc tả yêu cầu người dùng 4](#_Toc321662665)

[1. Yêu cầu chung 4](#_Toc321662666)

[2. Yêu cầu tìm kiếm 4](#_Toc321662667)

[3. Yêu cầu nhà tuyển dụng 4](#_Toc321662668)

[4. Yêu cầu về công việc 4](#_Toc321662669)

[II. Đặc tả yêu cầu hệ thống 5](#_Toc321662670)

[1. Yêu cầu về giao diện bên ngoài 5](#_Toc321662671)

[1.1 Giao diện người dùng 5](#_Toc321662672)

[1.2 Phần cứng 5](#_Toc321662673)

[1.3 Phần mềm 5](#_Toc321662674)

[1.4 Giao thức liên lạc 5](#_Toc321662675)

[2. Các tính năng của hệ thống 6](#_Toc321662676)

[2.1 Đăng nhập của người xin việc 6](#_Toc321662677)

[2.2 Đăng ký của người xin việc 9](#_Toc321662678)

[2.3 Đăng nhập của nhà tuyển dụng 13](#_Toc321662679)

[2.4 Đăng ký tài khoản nhà tuyển dụng 16](#_Toc321662680)

[2.5 Đăng xuất 20](#_Toc321662681)

[2.6 Quản lý profile của người xin việc 21](#_Toc321662682)

[2.7 Quản lý profile của công ty 22](#_Toc321662683)

[2.8 Viết comment về nhà tuyển dụng 23](#_Toc321662684)

[2.9 Ứng tuyển vào một công việc 25](#_Toc321662685)

[2.10 Khôi phục mật khẩu bị mất 26](#_Toc321662686)

[2.11 Đăng lên công việc mới 29](#_Toc321662687)

[2.12 Chỉnh sửa công việc đã đăng 31](#_Toc321662688)

[2.13 Vô hiệu hóa công việc đã cũ 32](#_Toc321662689)

[2.14 Xem các công việc mới nhất 33](#_Toc321662690)

[2.15 Xem các công việc VIP 35](#_Toc321662691)

[2.16 Tìm kiếm công việc 36](#_Toc321662692)

[2.17 Xem chi tiết các công việc (VIP, mới nhất, kết quả tìm kiếm) 39](#_Toc321662693)

[2.18 Xem các tin tư vấn 40](#_Toc321662694)

[2.19 Xem chi tiết tin tư vấn 41](#_Toc321662695)

[2.20 Xem danh sách các ứng cử viên đã ứng tuyển 42](#_Toc321662696)

[2.21 Xem thông tin chi tiết ứng viên 44](#_Toc321662697)

[2.22 <Admin>Thêm sửa xóa danh sách công việc 45](#_Toc321662698)

[2.23 <Admin>Thêm sửa xóa tỉnh thành phố 46](#_Toc321662699)

[2.24 <Admin>Thêm sửa xóa loại công việc 48](#_Toc321662700)

[2.25 <Admin>Kiểm duyệt công việc 50](#_Toc321662701)

[2.26 <Admin>Cập nhật tin tức và FAQs 51](#_Toc321662702)

[2.27 <Admin>Sửa xóa các comments 53](#_Toc321662703)

[2.28 <Admin>Quản lý nhà tuyển dụng đảm bảo 54](#_Toc321662704)

[2.29 <Admin>Quản lý công việc VIPs 55](#_Toc321662705)

[3. Thuộc tính của hệ thống 56](#_Toc321662706)

[3.1 Khả năng sử dụng 56](#_Toc321662707)

[3.2 Độ tin cậy 57](#_Toc321662708)

[3.3 Khả năng sẵn sàng 57](#_Toc321662709)

[3.4 Bảo mật 57](#_Toc321662710)

[3.5 Bảo trì 58](#_Toc321662711)

[3.6 Tính di dộng 58](#_Toc321662712)

[3.7 Hiệu suất 58](#_Toc321662713)

[III. Tham khảo 59](#_Toc321662714)

# Đặc tả yêu cầu người dùng

## Yêu cầu chung

* Mỗi người dùng có thể vào website theo 2 cách:

+ Sử dụng tài khoản của hệ thống

+ Sử dụng tài khoản như Google, Yahoo! (nhà tuyển dụng không thể sử dụng tính năng này)

* Mỗi người dùng có thể xem tất cả các công việc (Các công việc này đã được Admin kiểm tra) Và người dùng có thể phân loại công việc theo : Ngành nghề, tên công việc và nơi làm việc
* Mỗi người dùng có thể xem chi tiết của công việc được chỉ định
* Mỗi người dùng có thể xem danh sách và chi tiết của các thông tin tư vấn
* Mỗi người dùng có thể xem danh sách và chi tiết các câu hỏi thường gặp (FQA)
* Người dùng có thể đăng câu hỏi lên.

## Yêu cầu tìm kiếm

* Người dùng có thể tìm kiếm công việc bằng cách dựa vào phân loại như: Nơi làm việc, tên công việc…

## Yêu cầu nhà tuyển dụng

* Nhà tuyển dụng có thể tạo tài khoản trên hệ thống. Địa chỉ email và mật khẩu là bắt buộc cho việc đăng ký. Mỗi địa chỉ email chỉ được đăng ký 1 lần
* Nhà tuyển dụng có thể chỉnh sửa và giới thiệu thông tin về công ty của họ: Tên công ty, Nhân lực, Năm thành lập, Ngành nghề, Số điện thoại liên hệ, Website…
* Nhà tuyển dụng có thể thay đổi mật khẩu hoặc lấy mới mật khẩu trong trường hợp họ quên nó. Một thông báo (có đường dẫn tới trang thay đổi mật khẩu) sẽ được gửi tới địa chỉ email (đã đùng đăng ký)
* Nhà tuyển dụng có thể đăng tin công việc và các thông tin bao gồm: tên của công việc, mô tả công việc, ngành nghê, lương, nơi làm việc, liên hệ và mức lương
* Nhà tuyển dụng có thể cập nhật hoặc xóa các thông tin về các công việc mà họ đã đăng lên.
* Nhà tuyển dụng có thể đăng ký công việc như là 1 công việc VIP (hiển thị lên trên top đầu của trang)
* Nhà tuyển dụng có thể đăng ký công việc như là 1 công việc đã được đảm bảo
* Nhà tuyển dụng có thể xem danh sách người lao động đã ứng tuyển cho công việc mà họ đăng lên.
* Nhà tuyển dụng có thể xem thông tin cá nhân và profile của người lao động

## Yêu cầu về công việc

Công việc bao gồm các thông tin sau:

* Tên công việc (bắt buộc)
* Mô tả công việc và yêu cầu công việc (bắt buộc)
* Nơi làm việc (bắt buộc)
* Liên hệ
* Ngành nghê (tùy chọn)

# Đặc tả yêu cầu hệ thống

## Yêu cầu về giao diện bên ngoài

### Giao diện người dùng

Giao diện phải đủ đơn giản và đẹp để lôi cuốn sự chú ý của người dùng

Màu sắc phải hài hòa và lôi cuốn sự hứng thú của người dùng, tránh dùng các màu quá nóng hoặc khó nhìn. Áp dụng các quy tắc của lĩnh vực “Giao diện người máy” như: không sử dụng màu chữ là xanh trên nền đỏ hoặc không dùng màu xanh da trời và đỏ gần nhau.

Màu nền phải đơn giản, ít màu và không có hình ảnh bên dưới nếu có chữ ở trên.

Phông chữ phải dễ đọc và đủ lớn, màu chữ không được mờ ảo hoặc khó đọc.

Bố cục trang phải tinh tế và dễ sử dụng.

### Phần cứng

Website tuyển dụng phải chạy được trên nhiều thiết bị ngoại vi

Hệ thống phải hiển thị được nhìu định dạng ảnh như: jpg, png, jpeg

### Phần mềm

Không cần cài đặt bất kỳ ngôn ngữ lập trình nào trên thiết bị của người dùng

Ngoài ra, hệ thống cần sử dụng chương trình để quản lý tài nguyên hệ thống, chương trình này có thể kết nối tới hệ thống, có thể thay đổi và cập nhậy từ hệ thống.Dữ liệu phải được trao đổi giữa hệ thống và các dữ liệu bên ngoài thông qua phần mềm quản lý dữ liệu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên phầm mềm | Phiên bản | Nguồn |
| Eclipse Helios SR2 | 32bits/64bits | Open source community |
| XAMPP include:   * Apache 2.2.21 * MySQL 5.5.16 (Community Server) * FileZilla 5.3.8 * Mercury | 2.5 | Open source community |
| Smarty |  | Template Engine library |

### Giao thức liên lạc

Hệ thống được biên dịch trên các trình duyệt, sử dụng giao thức chuẩn để liên lạc giữa người dùng và máy chủ.

Trong quá trình liên lac, một số thông tin quan trọng của người dùng sẽ được mã hóa bằng các thuật toán đặc biệt.

Bên cạnh thiết kế đồng bộ giwuax dữ liệu và hệ thống, tất cả các thành phần của hệ thống có thể truy cập dữ liệu vào bất cứ lúc nào.

Hệ thống sẽ sinh ra HTML được định dạng chuẩn như các trang mạng xã hội nổi tiếng như là Facebook, MySpace

Trang web phải dễ dàng cho các trạm tìm kiếm như là Google và Yahoo có thể tìm và lưu lại.

## Các tính năng của hệ thống

### Đăng nhập của người xin việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Đăng nhập của người xin việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC001 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Đăng nhập của người xin việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người xin việc  **Khái quát:**  Người xin việc phải đăng nhập để sử dụng các chức năng như cập nhật hồ sơ, ứng tuyển vào các công việc mà họ muốn…Có 2 cách để đăng ký vào hệ thống, cách đầu tiên là đăng ký tài khoản từ hệ thống, cách thứ hai để đăng nhập là dùng 1 tài khoản của hang thứ ba như: Yahoo or Google.  **Mục đích:**  Cho phép khách đăng nhập vào hệ thống.  **Kích hoạt**  Click vào nút “Đăng nhập” ở góc trên cùng bên phải của website.  **Điều kiện tiền đề:**  Vào  **Điều kiện hoàn thành:**  Người xin việc đã đăng nhập vào hệ thống  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển người dùng đến trang đăng nhập | | 2 | Nhập tên đăng nhập và mật khẩu |  | | 3 | Click vào nút “Đăng nhập” | Chuyển người dùng đến trang trước đó |   **Kịch bản thay thế:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển người dùng đến trang đăng nhập | | 2 | Chọn hình ảnh Google or Yahoo để đăng nhập | Chuyển đến trang đăng nhập của Google và Yahoo | | 3 | Nhập email và mật khẩu của hãng thứ 3 vào |  | | 4 | Click vào nút “Đăng nhập” | Thông báo sẽ hiển thị ra để xác nhận nếu người dùng muốn sử dụng để đăng nhập vào hệ thống | | 5 | Click vào nút “Có” | Chuyển người dùng đến trang trước đó |   **Ngoại lệ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển người dùng đến trang đăng nhập | | 2 | Nhập sai tên đăng nhập và mật khẩu |  | | 3 | Click vào nút “Đăng nhập” | Hiển thị lỗi “Bạn hãy sửa những lỗi bên dưới và thử lại.   * Sai tên đăng nhập và mật khẩu.” |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào đường dẫn “Đăng nhập” ở trang chủ | Chuyển người dùng đến trang đăng nhập | | 2 | Chọn hình ảnh Google or Yahoo để đăng nhập | Popup được hiển thị và yêu cầu người dùng tên đăng nhập và mật khẩu | | 3 | Nhập sai địa chỉ email và mật khẩu của hãng thứ 3 |  | | 4 | Click vào nút “Đăng nhập” | Hiển thì thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại |   **Mối quan hệ:**  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Để đăng nhập vào hệ thống thì tên đăng nhập và mật khẩu được yêu cầu nhập vào |  | | | | | |

**Data Fields Definition**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Field name** | **Description** | **Read**  **Only** | **Mandatory** | **Control Type** | **Data Type** | **Length** |
| **System Account Area with title “Sử dụng tài khoản của website”** | | | | | | |
| Email label | A label with content “Email” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email | Email address used for registering | - | Y | Textbox | String | 100 |
| Mật khẩu label | A label with content “Mật khẩu” | - | - | Label | String | Cố định |
| Mật khẩu | Users enter your mật khẩu to login into website.  Displayed text is mật khẩu | - | Y | Textbox | String | 50 |
| Remember me | A check box with content “Tự động đăng nhập lần sau” | - | - | Checkbox | Boolean | Cố định |
| Register label | A label with content “Bạn chưa có tài khoản?” + “[Đăng ký](http://place.vn/account/register) “hyperlink + “chỉ trong vài giây.” | - | - | Label | String | Cố định |
| **3rd party account area with title “Đăng nhập với tài khoản”** | | | | | | |
| Google | Trong trường hợp người dùng muốn đăng nhập hệ thống bằng tài khoản Google | Y | - | Image | - | - |
| Yahoo | Trong trường hợp người dùng muốn đăng nhập hệ thống bằng tài khoản Yahoo | Y | - | Image | - | - |

**Buttons / Hyperlinks**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Function** | **Description** | **Available Criteria** | **Validations** | **Outcome** |
| Nút đăng nhập | Nút này được sử dụng để đăng nhập | Luôn sẵn sàng | Không yêu cầu xác nhận | Chuyển hướng đến trang phía sau với tên đăng nhập được hiển thị ở vùng đăng nhập thay vì nút “Đăng nhập” và “Đăng ký” |
| Đường dẫn đăng ký | Khi cliclk vào thì được chuyển hướng đến trang đăng ký để đăng ký 1 tài khoản mới trong website | Luôn sẵn sàng | Không yêu cầu xác nhận | Chuyển hướng đến trang đăng ký |
| Đường dẫn quên mật khẩu | Người dùng được chuyển hướng đến trang quên mật khẩu | Luôn sẵn sàng | Không yêu cầu xác nhận | Chuyển hướng người dùng đến trang quên mật khẩu |

### Đăng ký của người xin việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Đăng ký của người xin việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC002 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Đăng ký của người xin việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người xin việc  **Khái quát:**  Bởi vì quyền truy cập của khách cũng khá hạn chế do đó người dùng nên đăng ký 1 tài khoản người xin việc để có thể cập nhật hồ sơ và ứng tuyển công việc  **Mục đích:**  Đăng ký tài khoảnNgười xin việctrong hệ thống.  **Kích hoạt**  Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình.  **Điều kiện tiền đề:**  Vào website  **Điều kiện hoàn thành:**  Chuyển hướng người dùng đến trang chủ  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập chính xác email |  | | 3 | Nhập chính xác mật khẩu |  | | 4 | Nhập lại chính xác mật khẩu |  | | 5 | Nhập thông tin về họ tên, ngày sinh, giới tính, thành phố |  | | 6 | Click vào nút “Đăng kí” | Gửi mail kích hoạt đăng ký thành công tới người dùng và quay trở lại trang chủ |   **Kịch bản thay thế: -**  **Ngoại lệ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập email sai định dạng | Hiển thị thông báo lỗi “Địa chỉ Email không đúng.” |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập chính xác email |  | | 3 | Nhập chính xác mật khẩu |  | | 4 | Nhập lại sai mật khẩu | Hiển thị thông báo lỗi “'Nhập lại mật khẩu' và 'Mật khẩu' phải giống nhau.” |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập vào địa chỉ email đã được sử dụng | Kiểm tra định dang email | | 3 | Nhập chính xác mật khẩu |  | | 4 | Nhập lại chính xác mật khẩu |  | | 5 | Nhập thông tin về họ tên, ngày sinh, giới tính, thành phố |  | | 6 | Click vào nút “Đăng kí” | Hiển thị thông báo lỗi ”Bạn hãy sửa những lỗi bên dưới và thử lại.   * Địa chỉ email đã tồn tại” |   **Mối quan hệ:**  Forget mật khẩu function  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Để đăng ký được tài khoản mới thì địa chỉ email, mật khẩu và mật khẩu nhập lại phải được gõ vào. |  | | 2 | Một địa chỉ email chỉ được đùng đăng ký 1 lần |  | | | | | |

**Screen**

N/A

**Data Fields Definition – Attach Place Page**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Field name** | **Description** | **Read**  **Only** | **Mandatory** | **Control Type** | **Data Type** | **Length** |
| Signup label | A label with content “Thông tin tài khoản” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email label | A label with content “Email (xác nhận đăng ký sẽ được gửi tới địa chỉ này)” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email | Email address used for registering | - | Y | Textbox | Text | 50 |
| Mật khẩu label | A label with content “Mật khẩu (tối thiểu 6 ký tự)” | - | - | Label | String | Cố định |
| Mật khẩu | This text box for enter mật khẩu | - | Y | Textbox | Text | 50 |
| Confirm label | A label with content “Nhập lại mật khẩu” | - | - | Label | String | Cố định |
| Confirm mật khẩu | This text box for enter confirm mật khẩu | - | Y | Textbox | Text | 50 |
| Personal Information label | A label with content “Thông tin cá nhân” | - | - | Label | String | Cố định |
| Name label | A label with content “Họ tên” | - | - | Label | String | Cố định |
| Name | This text box for enter Name | - | Y | Textbox | Text | 80 |
| Birthday label | A label with content “Ngày tháng năm sinh” | - | - | Label | String | Cố định |
| Birthday | This datetime picker for selecting birthday | - | Y | DateTime Picker | DateTime |  |
| City label | A label with content “Thành phố” | - | - | Label | String | Cố định |
| City | This listbox for selecting city | - | Y | Listbox | Text |  |
| Agreement | This label contains: “Bằng việc click vào nút "Đăng ký" bạn cũng đồng thời chấp thuận các điều khoản trong” + “[Quy định sử dụng dịch vụ](http://place.vn/home/termsofservice)” hyperlink | Y | Y | Checkbox | True/False | - |

**Buttons / Hyperlinks**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Function** | **Description** | **Available Criteria** | **Validations** | **Outcome** |
| Nút đăng ký | Khi mà người dùng click vào thì tất cả thông tin của người dùng sẽ được đùng để đăng ký tài khoản mới | Luôn sẵn sàng | Nhập vào thông tin chính xác | Gửi 1 email kích hoạt đến địa chỉ đã đăng ký và trở lại trang đăng ký thành công |
| Đường dẫn về quy định và điều lệ | Đường dẫn này sẽ mở ra trang điều lệ | Luôn sẵn sàng | Không cần kiểm tra | Chuyển hướng người dùng đến trang điều lệ và dịch vụ… |

### Đăng nhập của nhà tuyển dụng

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Đăng nhập của nhà tuyển dụng** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC003 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Đăng nhập của nhà tuyển dụng | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Nhà tuyển dụng  **Khái quát:**  Nhà tuyển dụng phải đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng như là cập nhật hồ sơ của công ty, đăng các tin công việc và xem các thông tin của ứng cử viên  **Mục đích:**  Cho phép khách đăng nhập vào hệ thống.  **Kích hoạt**  Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình.  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Điều kiện hoàn thành:**  Người xin việc đăng nhập vào hệ thống  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng nhập | | 2 | Tên đăng nhập, mật khẩu |  | | 3 | Click vào nút “Đăng nhập” | Chuyển hướng người dùng đến trang trước đó |   **Ngoại lệ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng nhập | | 2 | Nhập sai tên đăng nhập, mật khẩu |  | | 3 | Click vàonút “Đăng nhập” | Hiển thị lỗi “Bạn hãy sửa những lỗi bên dưới và thử lại.   * tên đăng nhập hoặcmật khẩu không đúng.” |   **Mối quan hệ:**  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Để đăng nhập vào hệ thống thì tên đăng nhập và mật khẩu được yêu cầu nhập vào |  | | | | | |

**Screen**

**(N/A)**

**Data Fields Definition**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Field name** | **Description** | **Read**  **Only** | **Mandatory** | **Control Type** | **Data Type** | **Length** |
| **System Account Area with title “Sử dụng tài khoản của website”** | | | | | | |
| Email label | A label with content “Email” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email | Email address used for registering | - | Y | Textbox | String | 100 |
| Mật khẩu label | A label with content “Mật khẩu” | - | - | Label | String | Cố định |
| Mật khẩu | Users enter your mật khẩu to login into website.  Displayed text is mật khẩu | - | Y | Textbox | String | 50 |
| Remember me | A check box with content “Tự động đăng nhập lần sau” | - | - | Checkbox | Boolean | Cố định |
| Register label | A label with content “Bạn chưa có tài khoản?” + “[Đăng ký](http://place.vn/account/register) “hyperlink + “chỉ trong vài giây.” | - | - | Label | String | Cố định |
| **3rd party account area with title “Đăng nhập với tài khoản”** | | | | | | |
| Google | User click it to logon website by Google account | Y | - | Image | - | - |
| Yahoo | User click it to logon website by Yahoo account | Y | - | Image | - | - |

### Đăng ký tài khoản nhà tuyển dụng

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Đăng ký của nhà tuyển dụng** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC004 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Đăng ký của nhà tuyển dụng | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người xin việc  **Khái quát:**  Bởi vì tài quyền truy cập của khách rất hạn chế do đó Nhà tuyển dụng phải đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng như là cập nhật hồ sơ của công ty, đăng các tin công việc và xem các thông tin của ứng cử viên  **Mục đích:**  Đăng ký tài khoản Nhà tuyển dụng.  **Kích hoạt**  Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình.  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Điều kiện hoàn thành:**  Chuyển hướng người dùng đến trang chủ.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | Thông tin đăng nhập | | | | 2 | Nhập chính xác email |  | | 3 | Nhập chính xác mật khẩu |  | | 4 | Nhập lại chính xác mật khẩu |  | | Thông tin về công ty | | | | 5 | Nhập tên công ty, mô tả về công ty (năm thành lập, nhân lực, thành phố, ngành nghề) |  | | 6 | Click vào nút “Đăng kí” | Gửi mail kích hoạt đăng ký thành công tới người dùng và quay trở lại trang chủ |   **Kịch bản thay thế: -**  **Ngoại lệ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập địa chỉ email sai định dạng | Hiển thị thông báo lỗi “Địa chỉ Email không đúng.” |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập chính xác email |  | | 3 | Nhập chính xác mật khẩu |  | | 4 | Nhập lại sai mật khẩu | Hiển thị thông báo lỗi “'Nhập lại mật khẩu' và 'Mật khẩu' phải giống nhau.” |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click vào nút “Đăng nhập” ở góc phải trên cùng của màn hình. | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký | | 2 | Nhập địa chỉ email đã sử dụng | Kiểm tra định dạng email | | 3 | Nhập chính xác mật khẩu |  | | 4 | Nhập lại chính xác mật khẩu |  | | 5 | Nhập tên công ty, mô tả về công ty (năm thành lập, nhân lực, thành phố, ngành nghề) |  | | 6 | Click vào nút “Đăng kí” | Hiển thị thông báo lỗi ”Bạn hãy sửa những lỗi bên dưới và thử lại.   * Địa chỉ email đã tồn tại” |   **Mối quan hệ:**  Chức năng quênmật khẩu  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Để đăng ký được tài khoản mới thì địa chỉ email, mật khẩu và mật khẩu nhập lại phải được gõ vào.required. |  | | 2 | Một địa chỉ email chỉ được đùng đăng ký 1 lần |  | | | | | |

**Screen**

N/A

**Data Fields Definition – Attach Place Page**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Field name** | **Description** | **Read**  **Only** | **Mandatory** | **Control Type** | **Data Type** | **Length** |
| Account label | A label with content “Thông tin tài khoản” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email label | A label with content “Email (xác nhận đăng ký sẽ được gửi tới địa chỉ này)” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email | Email address used for registering | - | Y | Textbox | Text | 50 |
| Mật khẩu label | A label with content “Mật khẩu (tối thiểu 6 ký tự)” | - | - | Label | String | Cố định |
| Mật khẩu | This text box for enter mật khẩu | - | Y | Textbox | Text | 50 |
| Confirm label | A label with content “Nhập lại mật khẩu” | - | - | Label | String | Cố định |
| Confirm mật khẩu | This text box for enter confirm mật khẩu | - | Y | Textbox | Text | 50 |
| Company label | A label with content “Thông tin công ty” | - | - | Label | String | Cố định |
| Company Name label | A label with content “Tên Công ty” | - | - | Label | String | Cố định |
| Company name | This text box for enter Company name | - | Y | Textbox | Text | 100 |
| Company Description label | A label with content “Thông tin về công ty” | - | - | Label | String | Cố định |
| Company Description | This text box for enter Company Description | - | Y | Textbox | Text | 1000 |
| Agreement | This label contains: “Bằng việc click vào nút "Đăng ký" bạn cũng đồng thời chấp thuận các điều khoản trong” + “[Quy định sử dụng dịch vụ](http://place.vn/home/termsofservice)” hyperlink | Y | Y | Checkbox | True/False | - |

### Đăng xuất

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Đăng xuất** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC005 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Đăng xuất | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người dùng  **Khái quát:**  Sau khi đã sử dụng website thì người dùng có thể thoát ra khỏi website  **Mục đích:**  Cho phép người dùng đăng xuất  **Kích hoạt**  Click vào nút “Thoát” ở góc phải trên cùng của màn hình.  **Điều kiện tiền đề:**  Đã đăng nhập vào hệ thống  **Điều kiện hoàn thành:**  Hiển thị người dùng như là khách  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | click nút “Thoát” | Chuyển hướng đến trang chủ có nút “Đăng nhập” và “Đăng kí” ở góc trên bên phải màn hình |   **Kịch bản thay thế:**  N/A  **Ngoại lệ:**  N/A  **Mối quan hệ:**  Chức năng đăng nhập  **Nghiệp vụ:**  None | | | | |

### Quản lý profile của người xin việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Quản lý profile của người xin việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC006 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Quản lý profile của người xin việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người tìm việc (Người xin việc)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người sử dụng là người tìm việc tạo hồ sơ cá nhân của mình.  **Quan trọng:**  Phải tạo bản mẫu hồ sơ đầy đủ chi tiết về chủ tài khoản (nhưng không để lộ mật khẩu và tài khoản), tiện cho việc tìm kiếm việc làm.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Người dùng (Người tìm việc) | Hệ thống | | 1 | Sau khi đăng nhập thành công, điền các thông tin cá nhân vào mẫu hồ sơ sẵn có. |  | | 2 | Ấn nút “Lưu” | Nhận thông tin do người dùng nhập vào, thực hiện lưu vào cơ sở dữ liệu | | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Quản lý profile của công ty

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Quản lý profile của công ty** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC007 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Quản lý profile của công ty | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người tìm việc (Người xin việc)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người sử dụng là công ty tạo hồ sơ công ty.  **Quan trọng:**  Phải tạo bản mẫu hồ sơ đầy đủ chi tiết về công ty  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Người tuyển dụng | Hệ thống | | 1 | Sau khi đăng nhập thành công, điền các thông tin công ty vào mẫu hồ sơ sẵn có. |  | | 2 | Ấn nút “Lưu” | Nhận thông tin do người dùng nhập vào, thực hiện lưu vào cơ sở dữ liệu | | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Viết comment về nhà tuyển dụng

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Viết comment về nhà tuyển dụng** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC008 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Viết comment về nhà tuyển dụng | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người tìm việc (Người xin việc)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người sử dụng là người tìm việc có thể lien lạc, trao đổi thông tin với nhà tuyền dụng.  **Quan trọng:**  Tạo điều kiện thuận lợi tìm và gửi comment tới nhà tuyển dụng một cách nhanh chóng, không rườm rà.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Người dung (Người tìm việc) | Hệ thống | | 1 | Đăng nhập bằng tài khoản và mật khẩu đã đăng ký | - Tiếp nhận tài khoản và mật khẩu người dung nhập vào.  - Kiểm tra việc đăng ký.  - Nếu tài khoản hợp lệ, hiển thị site hồ sơ cá nhân.  - Nếu tài khoản không hợp lệ, thông báo đăng nhập thất bại. | | 2 | Khi đăng nhập thành công, người dùng sử dụng chức năng Tìm kiếm hoặc chọn trong danh sách các nhà tuyền dụng nổi bật. | * Tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu các nhà tuyền dụng phù hợp với nội dung tìm kiếm của người dùng, hiển thị kết quả tìm kiếm. | | 3 | Chọn một nhà tuyển dụng trong dánh sách tìm kiếm | * Đưa người dùng tới giao diện profile của nhà tuyển dụng đã chọn. | | 4 | Viết comment lại cho người tuyển dụng, n nút Gửi. | * Tiếp nhận nội dung người dùng nhập vào, đăng lên trang comment của nhà tuyển dụng đã chọn. * Thông báo thành công tới người dùng. | | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Ứng tuyển vào một công việc

#### Lược đồ Use Case

**

#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Ứng tuyển vào một công việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC009 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Ứng tuyển vào một công việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người tìm việc (Người xin việc)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người sử dụng có thể đăng tên ứng tuyển vào một vị trí đang được nhà tuyển dụng đăng tin.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người dùng muốn ứng tuyển vào một công việc, bắt buộc phải đăng nhập thành công.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người dùng ấn nút “Ứng tuyển”, phải có hiển thị thông báo Ứng tuyển thành công  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người tìm việc)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người dùng sử dụng chức năng Tìm kiếm hoặc chọn trong danh sách các nhà tuyền dụng nổi bật. | - Tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu các nhà tuyền dụng phù hợp với nội dung tìm kiếm của người dùng, hiển thị kết quả tìm kiếm. | | 2 | Chọn một nhà tuyển dụng trong dánh sách tìm kiếm | * Đưa người dùng tới giao diện profile của nhà tuyển dụng đã chọn. | | 3 | Viết comment lại cho người tuển dụng, ấn nút Gửi. | * Tiếp nhận nội dung người dùng nhập vào, đăng lên trang comment của nhà tuyển dụng đã chọn. * Thông báo thành công tới người dùng. | | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Khôi phục mật khẩu bị mất

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Khôi phục mật khẩu bị mất** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC010 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Khôi phục mật khẩu bị mất | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  User  **Khái quát:**  By some reasons, registered user forgot their mật khẩu and wanted to recovery this. When user report forgot mật khẩu, website send confirm email to the user. The user clicks confirm reset mật khẩu in email, after that system will reset user mật khẩu and sent new mật khẩu in email to user.  **Mục đích:**  Reset user’s mật khẩu.  **Kích hoạt**  Click to “Quên mật khẩu” hyperlink  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web and open log in page  **Điều kiện hoàn thành:**  Stay remains at forgot pass page with notification ask user check for new email with new mật khẩu  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click to “Quên mật khẩu” hyperlink | navigate user to forgot mật khẩu page | | 2 | Type email address into email address textbox |  | | 3 | Click to “Quên mật khẩu” button | Confirm email sent to user. Website show message to inform the user check email to confirm resetting his/her mật khẩu | | 4 | User click confirm hyperlink in email | Redirect the user to reset mật khẩu page | | 5 | Enter new mật khẩu and confirm mật khẩu |  | | 5 | Click to “Thay đổi” button | New passwod is saved |   **Kịch bản thay thế:**  **Ngoại lệ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Click to “Quên mật khẩu” hyperlink | navigate user to forgot mật khẩu page | | 2 | Type invalida email address into email address textbox |  | | 3 | Click to “Tạo mật khẩu mới” button | Hiển thị thông báo lỗi , inform the user that he/she justentered an invalid email address |   **Mối quan hệ:**  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Email address is required to be able to reset pasword |  | | 2 | Confirm link will be sent through mail |  | | | | | |
| **Description:**  The system allows user change mật khẩu when they forgot it. User goes to log in page at PSN website and click “Quên mật khẩu” hyperlink to get redirected to Forgot Mật khẩu page. Users need enter their email address, system will check this email is registered or not. If valid, one email is sent to user with reset mật khẩu link. Follow this link, user is navigated to reset mật khẩu page. In here, user selects “Tạo mật khẩu mới” button, the system will replace your mật khẩu with the new one. | | | | |

**Screen**

**N/A**

**Data Fields Definition – Attach Place Page**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Field name** | **Description** | **Read**  **Only** | **Mandatory** | **Control Type** | **Data Type** | **Length** |
| **Forgot mật khẩu area with title “Quên mật khẩu?”** | | | | | | |
| Email label | A label with content “Email (xác nhận sẽ được tới địa chỉ này)” | - | - | Label | String | Cố định |
| Email | Email address used for get reset mật khẩu link | - | Y | Textbox | String | 254 |
| **Reset mật khẩu area with title “Khởi tạo mật khẩu”** | | | | | | |
| New mật khẩu label | A label with content “Mật khẩu (tối thiểu 6 ký tự)” | - | - | Label | String | Cố định |
| New mật khẩu | mật khẩu that will replace old mật khẩu | - | Y | Textbox | String | 100 |
| Confirm mật khẩu label | A label with content “Nhập lại mật khẩu” | - | - | Label | String | Cố định |
| Confirm mật khẩu | Confirm mật khẩu | - | Y | Button | String | 100 |

**Buttons / Hyperlinks**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Function** | **Description** | **Available Criteria** | **Validations** | **Outcome** |
| forgot mật khẩu | When clicked a mail with link used for resetting will be sent to user email address | Always available | Email can’t be blank | Notification message is displayed to inform that user check email and follow hyperlink to generate new mật khẩu |
| Reset mật khẩu | Using button will save new mật khẩu instead of the old one | Always available | Mật khẩu and confirm mật khẩu can’t be blank | Notification message is displayed to inform that new mật khẩu is generated and is sent to user’s email. |

### Đăng lên công việc mới

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Đăng lên công việc mới** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC011 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Đăng lên công việc mới | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Nhà tuyển dụng  **Khái quát:**  Nhà tuyển dụng khi có nhu cầu tuyển người lao động cho 1 công việc thì họ sẽ đưa ra những thông tin (Tên công việc, ngành nghề, loại hình làm việc, nơi làm việc và chi tiết công việc) để người lao động có thể ứng tuyển vào  **Mục đích:**  Đăng một công việc mới  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Thực hiện vào click vào “Đăng lên 1 công việc mới” | Chuyển hướng người dùng đến trang đăng ký 1 công việc mới | | 2 | Nhập/chọn đầy đủ các thông tin : Tên công việc, ngành nghề, loại hình làm việc, nơi làm việc và chi tiết công việc |  | | 3 | Click vào button “Đăng tin” | Chuyển hướng người dùng đến page hiển thị danh sách các công việc mà họ đã đăng ký |   **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Các thông tin về công việc phải được nhập đầy đủ |  | | 2 | Trong trường hợp nhập chưa đầy đủ mà đã click vào “Đăng tin” | Hiển thị message:”Vui lòng nhập đầy đủ các thông tin về công việc” | | | | | |

### Chỉnh sửa công việc đã đăng

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Chỉnh sửa công việc đã đăng** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC012 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Chỉnh sửa công việc đã đăng | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Nhà tuyển dụng  **Khái quát:**  Khi nhà tuyển dụng muốn thay đổi 1 số thông tin về nghề nghiệp thì hệ thống vẫn cho phép họ thay đổi (Tên công việc, ngành nghề, loại hình làm việc, nơi làm việc và chi tiết công việc)  **Mục đích:**  Chỉnh sửa 1 công việc đã có  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  Login với vai trò là nhà tuyển dụng  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Từ trên danh sách các công việc mà nhà tuyển dụng đã đăng tin.Click vào “chỉnh sửa” | Chuyển hướng đến tranh chỉnh sửa công việc.  Các thông tin đã có sẽ được điền vào tương ứng | | 2 | Thay đổi các thông tin: Tên công việc, ngành nghề, loại hình làm việc, nơi làm việc và chi tiết công việc |  | | 3 | Click vào nút “Cập nhật” | Chuyển hướng đến trang danh sách các công việc mà nhà tuyển dụng đã đăng lên |   **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Các thông tin về công việc phải được nhập đầy đủ |  | | 2 | Trong trường hợp nhập chưa đầy đủ mà đã click vào “Đăng tin” | Hiển thị message:”Vui lòng nhập đầy đủ các thông tin về công việc” | | | | | |

### Vô hiệu hóa công việc đã cũ

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Vô hiệu hóa công việc đã cũ** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC013 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Vô hiệu hóa công việc đã cũ | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Nhà tuyển dụng  **Khái quát:**  Khi công việc đã hết hạn hoặc nhà tuyển dụng đã tìm ứng cử viên phù hợp, không mướn tuyển thêm người cho công việc nào đó nữa thì hệ thống cho phép họ vô hiệu hóa công việc này  **Mục đích:**  Vô hiệu hóa 1 công việc đã có  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  Login với vai trò là nhà tuyển dụng  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Từ trên danh sách các công việc mà nhà tuyển dụng đã đăng tin.Click vào “Vô hiệu hóa” | Hiển thị ra Popup message để xác nhận : ”Bạn muốn vô hiệu hóa công viêc + ‘Tên công việc’?” | | 2 | Click vào nút “OK” | Trang danh sách công việc được tải về lần nữa. | | | | | |

### Xem các công việc mới nhất

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem các công việc mới nhất** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC014 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem các công việc mới nhất | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  User  **Khái quát:**  Khi thực hiện vào trang web lần đầu tiên, người dùng sẽ nhìn thấy những công việc mới nhất theo thứ tự thời gian ở dạng danh sách và tóm tắt một số nội dung về công việc. Ngoài ra thì các công việc này được sắp xếp theo trình tự thời gian và phân ra thành các trang. Mỗi trang là 20 mẩu công việc  **Mục đích:**  Hiển thị các công việc đã được đăng lên theo thứ tự thời gian  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Thực hiện vào trang tuyển dụng | Chuyển hướng người dùng đến trang mặc định.  Các mẩu công việc sẽ được hiển thị ra | | 2 | Chọn số thứ tự của trang cần đi đến | Chuyển hướng người dùng đến số trang đã chỉ định với các công việc tương ứng |   **Kịch bản thay thế:**  N/A  **Mối quan hệ:**  N/A  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Tất cả mọi người dùng khi vào trang web thì đều có thể nhìn thấy các thông tin về công việc mới nhất |  | | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Xem các công việc VIP

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem các công việc mới nhất** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC015 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem các công việc VIP | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  User  **Khái quát:**  Khi thực hiện vào trang web lần đầu tiên, người dùng sẽ nhìn thấy những công việc VIP do các nhà tuyển dụng đã đăng ký.Số lượng tối đa không quá 10 nhà tuyển dụng đã đăng ký cho khu vực VIP  **Mục đích:**  Hiển thị các công việc VIP  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Thực hiện vào trang tuyển dụng | Chuyển hướng người dùng đến trang mặc định.  Các mẩu công việc VIP sẽ được hiển thị ra |   **Kịch bản thay thế:**  N/A  **Mối quan hệ:**  N/A  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Tất cả mọi người dùng khi vào trang web thì đều có thể nhìn thấy các thông tin về công việc VIP |  | | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Tìm kiếm công việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Tìm kiếm công việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC016 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Tìm kiếm công việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Tất cả người dùng  **Khái quát:**  Bởi vì lượng thông tin về công việc sẽ nhiều lên và người dùng khó có thể tìm ra công việc phù hợp cho mình nên cần phải có 1 công cụ để hỗ trợ tìm kiếm và đồng thời cũng là bộ lọc công việc  **Mục đích:**  Tìm kiếm được kết quả chính xác theo yêu cầu người dùng  **Kích hoạt**  Đã vào được trang web  **Điều kiện tiền đề:**  Vào được trang web  **Điều kiện hoàn thành:**  Chuyển hướng người dùng tới danh sách các kết quả tìm kiếm được  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Chọn loại hình công việc ở mục “Loại công việc” (có thể không chọn) |  | | 2 | Chọn “Ngành nghề” (có thể không chọn) |  | | 3 | Chọn “Nơi làm việc” (có thể không chọn) |  | | 4 | Nhập vào 1 vài miêu tả của công việc ở mục “Mô tả công việc” |  | | 5 | Click chuột vào nút “Tìm kiếm” | Chuyển hướng người dùng đến trang tìm kiếm |   **Kịch bản thay thế: -**  **Ngoại lệ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Người dùng tìm kiếm với kết quả là không có | Hiển thi ra tin nhắn thông báo là : “Không có công việc nào được tìm thấy” |   **Mối quan hệ:**  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Với những mục nào được người dùng để trống thì sẽ không tìm kiếm dựa trên những mục đó, Ngoài ra thì trả về dữ liệu đúng như những mục đã chỉ định với điều kiện VÀ |  | | | | | |

**Screen**

N/A

**Data Fields Definition**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Field name** | **Description** | **Read**  **Only** | **Mandatory** | **Control Type** | **Data Type** | **Length** |
| Nhãn Tìm kiếm công việc | Nhãn với nội dung “Tìm kiếm công việc” | - | - | Label | String | Cố định |
| Nhãn loại hình | Nhãn với nội dung “Loại hình” | - | - | Label | String | Cố định |
| Loại hình | Các loại hình công việc | - | - | Listbox | Text | 50 |
| Nhãn ngành nghê | Nhãn với nội dung “Ngành nghề” | - | - | Label | String | Cố định |
| Ngành nghề | Các ngành nghề | - | - | Listbox | Text | 50 |
| Nhãn nơi làm việc | Nhãn với nội dung “Nơi làm việc” | - | - | Label | String | Cố định |
| Nơi làm việc | Nơi làm việc | - | - | Listbox | Text | 50 |
| Nhãn mô tả công việc | Nhãn với nội dung “Mô tả công việc” | - | - | Label | String | Cố định |
| Mô tả công việc | Phần mô tả công việc do người dùng nhập vào | - | - | Textbox | Text | 50 |

**Buttons / Hyperlinks**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Function** | **Description** | **Available Criteria** | **Validations** | **Outcome** |
| Nút tìm kiếm | Khi click vào nút này thì tất cả các điều kiện tìm kiếm sẽ được chuyển lên Server |  |  | Kết quả tìm kiếm hoặc thông báo sẽ hiển thị ra |

### Xem chi tiết các công việc (VIP, mới nhất, kết quả tìm kiếm)

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem chi tiết các công việc (VIP, mới nhất, kết quả tìm kiếm)** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC017 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem chi tiết các công việc (VIP, mới nhất, kết quả tìm kiếm) | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  User  **Khái quát:**  Trêndanh sách các công việc.Chọn 1 công việc, chi tiết của công việc được hiển thị ra.  **Mục đích:**  Hiển thị chi tiết công việc được chỉ định  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Chọn 1 công việc trên danh sách các công việc | Hiển thị chi tiết công việc tương ứng |   **Kịch bản thay thế:**  N/A  **Mối quan hệ:**  N/A | | | | |

**Screen**

**N/A**

### Xem các tin tư vấn

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem các tin tư vấn** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC018 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem các tin tư vấn | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  User  **Khái quát:**  Khi thực hiện vào trang web lần đầu tiên, người dùng sẽ nhìn thấy những tin tư vấn mới nhất.  **Mục đích:**  Hiển thị danh sách các tin tư vấn  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Thực hiện vào trang tuyển dụng | Chuyển hướng người dùng đến trang mặc định.  Các mẩu tin tư vấn sẽ được hiển thị ra |   **Kịch bản thay thế:**  N/A  **Mối quan hệ:**  N/A  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Tất cả mọi người dùng khi vào trang web thì đều có thể nhìn thấy các thông tin về tin tư vấn |  | | | | | |

### Xem chi tiết tin tư vấn

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem chi tiết tin tư vấn** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC019 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem chi tiết tin tư vấn | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  User  **Khái quát:**  Trên danh sách các tin tư vấn, chọn 1 tin tư vấn thì nội dung chi tiết sẽ được hiển thị ra.  **Mục đích:**  Hiển thị chi tiết tin tư vấn  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Chọn 1 tin tư vấn trên danh sách các tin tư vấn | Chuyển hướng người dùng đến trang hiển thị chi tiết tin tư vấn tương ứng | | | | | |

### Xem danh sách các ứng cử viên đã ứng tuyển

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem danh sách các ứng cứ viên đã ứng tuyển** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC020 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem danh sách các ứng cứ viên đã ứng tuyển | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Nhà tuyển dụng  **Khái quát:**  Khi nhà tuyển dụng vào để xem danh sách các ứng cử viên đã ứng tuyển.  **Mục đích:**  Hiển thịdanh sách các ứng cứ viên đã ứng tuyển được nhóm theo công việc.Mỗi ứng cử viên là 1 đường dẫn đến trang thông tin chi tiết của ứng cử viên.  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Thực hiện vào trang tuyển dụng, Click vào menu link: “Xem danh sách ứng cử viên” | Chuyển hướng nhà tuyển dụng đến trang “Danh sách ứng cử viên”  Thông tin ngắn gọn của các ứng cử viên được hiển thị ra theo dạng danh sách tương ứng với từng công việc mà nhà tuyển dụng đã dăng tin |   **Kịch bản thay thế:**  N/A  **Mối quan hệ:**  N/A  **Nghiệp vụ:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **No** | **Mô tả nghiệp vụ** | **Thông báo lỗi** | | 1 | Nhà tuyển dụng click vào đường dẫn “Xem danh sách ứng cử viên” |  | | 2 | Trong trường hợp danh sách là không có ai | Hiển thi thông báo “Chưa có ứng cử viên nào ứng tuyển vào vị trí này” dưới mỗi công việc tương ứng. | | | | | |

### Xem thông tin chi tiết ứng viên

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – Xem thông tin chi tiết ứng viên** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC021 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | Xem thông tin chi tiết ứng viên | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Nhà tuyển dụng  **Khái quát:**  Khi nhà tuyển dụng vào để xem thông tin chi tiết của ứng cử viên đã ứng tuyển.  **Mục đích:**  Hiển thịthông tin  **Điều kiện tiền đề:**  Vào trang web  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Hành động của tác nhân** | **Phản hồi của hệ thống** | | 1 | Trên danh sách các ứng viên, chọn 1 ứng cử viên bất kỳ | Trang thông tin chi tiết của ứng cử viên sẽ được hiển thị ra | | | | | |

### <Admin>Thêm sửa xóa danh sách công việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin>Thêm sửa xóa danh sách công việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC022 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Thêm sửa xóa danh sách công việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể cập nhập dữ liệu trong danh mục tin tuyển dụng tại cơ sở dữ liệu.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người dùng thao tác với dữ liệu và ấn nút Sửa, xóa, hệ thống sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu, hiển thị ra màn hình và thông báo thành công.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Tin tuyển dụng” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Tin tuyển dụng. Hiển thị danh mục tin tuyển dụng đã có trong cơ sở dữ liệu và thông tin liên quan lên GridView. | | 2 | Click nút chức năng Sửa tại tin muốn cập nhật (Không bắt buộc) | * Chuyển hàng chứa thông tin về tin tuyển dụng được chọn thành các ô để người quản lý thay đổi dữ liệu. * Hiển thị 2 nút Cập nhật và Hủy bỏ | | 3 | Click nút Cập nhật (Không bắt buộc) | * Lưu dữ liệu người dùng vừa nhập vào database. * Thông báo lỗi nếu có lỗi xảy ra, và thông báo thành công nếu thao tác hoàn tất. * Load dữ liệu lên GridView. | | 4 | Click nút Xóa (Không bắt buộc) | * Hiển thị thông báo hỏi người quản lý có chắc chắn muốn xóa đối tượng tin tuyển dụng này? | | 5. | Click nút Có hoặc Không | * Nếu chọn Có: Thực hiện xóa tin người dùng đã chọn. Load dữ liệu lên Grid View. | | | | | |

### <Admin>Thêm sửa xóa tỉnh thành phố

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin>Thêm sửa xóa tỉnh thành phố** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC023 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Thêm sửa xóa tỉnh thành phố | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể cập nhập dữ liệu trong danh mục các Tỉnh, Thành phố tại cơ sở dữ liệu.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người dùng thao tác với dữ liệu và ấn nút Thêm, sửa, xóa, hệ thống sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu, hiển thị ra màn hình và thông báo thành công.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Tỉnh – Thành Phố” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Tỉnh – Thành Phố. Hiển thị danh mục nghề nghiệp đã có trong cơ sở dữ liệu và thông tin liên quan lên GridView. | | 2 | Click nút chức năng Sửa tại nghề nghiệp muốn cập nhật (Không bắt buộc) | * Chuyển hàng chứa thông tin về Tỉnh – Thành Phố được chọn thành các ô để người quản lý thay đổi dữ liệu. * Hiển thị 2 nút Cập nhật và Hủy bỏ | | 3 | Click nút Cập nhật (Không bắt buộc) | * Lưu dữ liệu người dùng vừa nhập vào database. * Thông báo lỗi nếu có lỗi xảy ra, và thông báo thành công nếu thao tác hoàn tất. * Load dữ liệu lên GridView. | | 4 | Click nút Xóa (Không bắt buộc) | * Hiển thị thông báo hỏi người quản lý có chắc chắn muốn xóa đối tượng này? | | 5. | Click nút Có hoặc Không | * Nếu chọn Có: Thực hiện xóa Tỉnh – Thành phố người dùng đã chọn. Load dữ liệu lên Grid View. | | 6 | Điền thông tin của nghề nghiệp mới vào các ô trong mục “Tỉnh – Thành phố mới” |  | | 7 | Click nút Thêm | * Thêm Tỉnh – Thành phố mới với các thông tin mà người quản lý vừa nhập vào cơ sở dữ liệu. * Thông báo lỗi nếu có. * Hiển thị dữ liệu lên GridView. | | | | | |

### <Admin>Thêm sửa xóa loại công việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin>Thêm sửa xóa loại công việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC024 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Thêm sửa xóa loại công việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể cập nhập dữ liệu trong danh mục các Tỉnh, Thành phố tại cơ sở dữ liệu.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người dùng thao tác với dữ liệu và ấn nút Thêm, sửa, xóa, hệ thống sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu, hiển thị ra màn hình và thông báo thành công.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Loại nghề nghiệp” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Loại nghề. Hiển thị danh mục loại nghề nghiệp đã có trong cơ sở dữ liệu và thông tin liên quan lên GridView. | | 2 | Click nút chức năng Sửa tại loại nghề nghiệp muốn cập nhật (Không bắt buộc) | * Chuyển hàng chứa thông tin về Tỉnh – Thành Phố được chọn thành các ô để người quản lý thay đổi dữ liệu. * Hiển thị 2 nút Cập nhật và Hủy bỏ | | 3 | Click nút Cập nhật (Không bắt buộc) | * Lưu dữ liệu người dùng vừa nhập vào database. * Thông báo lỗi nếu có lỗi xảy ra, và thông báo thành công nếu thao tác hoàn tất. * Load dữ liệu lên GridView. | | 4 | Click nút Xóa (Không bắt buộc) | * Hiển thị thông báo hỏi người quản lý có chắc chắn muốn xóa đối tượng này? | | 5. | Click nút Có hoặc Không | * Nếu chọn Có: Thực hiện xóa Tỉnh – Thành phố người dùng đã chọn. Load dữ liệu lên Grid View. | | 6 | Điền thông tin của loại nghề nghiệp mới vào các ô trong mục “Tỉnh – Thành phố mới” |  | | 7 | Click nút Thêm | * Thêm loại nghề nghiệp mới với các thông tin mà người quản lý vừa nhập vào cơ sở dữ liệu. * Thông báo lỗi nếu có. * Hiển thị dữ liệu lên GridView. | | | | | |

### <Admin>Kiểm duyệt công việc

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin>Kiểm duyệt công việc** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC025 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Kiểm duyệt công việc | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin)  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể kiểm duyệt (chấp nhận hoặc không chấp nhận) những thông tin tuyển dụng mà các nhà tuyển dụng đưa lên.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Người quản lý Click Đồng ý, bản tin tuyển dụng sẽ được lưu vào danh sách nghề nghiệp, hệ thống thông báo đã thêm nghề nghiệp mới. Nếu người quản lý Click Không đồng ý, bản tin tuyển dụng sẽ bị xóa. Trong cả 2 trường hợp, hệ thống đều gửi lại email thông báo cho khách hàng biết kết quả kiểm duyệt.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Tin tuyển dụng” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Tin tuyển dụng. Hiển thị danh mục Tin tuyển dụng đã có trong cơ sở dữ liệu và thông tin liên quan lên GridView. | | 2 | Trong dánh sách “Tin chờ duyệt”. Click chọn 1 tin để kiểm duyệt | * Hiện thị giao diện chi tiết nội dung Tin tuyển dụng của bản Tin người quản lý đã chọn | | 3 | Chỉnh sửa nội dung nếu thấy cần thiết. |  | | 4 | Click nút Duyệt hoặc Loại bỏ | * Nếu người dùng click Duyệt: Lưu bản tin vào cơ sở dữ liệu Tin tuyển dụng. Xóa bản tin từ danh sách tin chờ duyệt. * Nếu người dùng click Loại bỏ: Xóa bản tin đó từ danh sách tin chờ duyệt. * Thông báo kết quả kiểm duyệt tới nhà tuyển dụng. | | | | | |

### <Admin>Cập nhật tin tức và FAQs

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin>Cập nhật tin tức và FAQs** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC026 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Cập nhật tin tức và FAQs | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin).  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể quản lý, cập nhật (Thêm, sửa, xóa) tin tức và FAQs.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người quản lý thay đổi mật khẩu và click nút Thêm, sửa, xóa, hệ thống sẽ cập nhật dữ liệu đó vào cơ sở dữ liệu. Thông báo lại người quản lý nếu có lỗi.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Tin tức - FAQs” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Tin tức và FAQs có 2 mục chính là “Tin tức” và “FAQs”. | | 2 | Chọn một đối tượng Tin tức hoặc FAQs | * Hiển thị giao diện nội dung chi tiết của đối tượng mà người quản lý đã chọn | | 3 | Chỉnh sửa nội dung cần thiết |  | | 4 | Click nút Lưu hoặc Hủy bỏ | * Nếu người dùng click Lưu: Lưu nội dung cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Hiển thị thông báo Lưu thành công * Nếu người dùng click Hủy bỏ: trở về giao diện site quản lý Tin tức – FAQs. | | 5 | Click nút Thêm mới | * Hiện thị giao diện nhập tin tức – FAQs mới | | 6 | Điền thông tin cho tin tức – FAQs mới |  | | 7 | Click nút Lưu | * Lưu Tin tức – FAQs mới vào cơ sở dữ liệu. Thông báo thành công. | | Click nút Hủy | * Trở về giao diện site quản lý Tin tức – FAQs. | | | | | |

### <Admin>Sửa xóa các comments

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin> Sửa xóa các comments** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC027 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Sửa xóa các comments | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin).  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể sửa, xóa các comment của Người xin việc hoặc Nhà tuyển dụng.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người quản lý sửa, xóa các comment, hệ thống sẽ cập nhật dữ liệu đó vào cơ sở dữ liệu. Thông báo lại người quản lý nếu có lỗi.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Comments” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Comments. | | 2 | Chọn comment muốn xử lý | * Hiển thị giao diện nội dung chi tiết của comment mà người quản lý đã chọn | | 3 | Chỉnh sửa nội dung cần thiết |  | | 4 | Click nút Lưu hoặc Hủy bỏ | * Nếu người dùng click Lưu: Lưu nội dung cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Hiển thị thông báo Lưu thành công * Nếu người dùng click Hủy bỏ: trở về giao diện site quản lý Comments. | | | | | |

### <Admin>Quản lý nhà tuyển dụng đảm bảo

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin>Quản lý nhà tuyển dụng đảm bảo** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC028 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Quản lý nhà tuyển dụng đảm bảo | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin).  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể thêm, sửa, xóa danh sách nhà tuyển dụng đảm bảo  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người quản lý thêm, sửa, xóa danh sách nhà tuyển dụng đảm bảo, hệ thống sẽ cập nhật dữ liệu đó vào cơ sở dữ liệu. Thông báo lại người quản lý nếu có lỗi.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “Nhà tuyển dụng đảm bảo” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý Nhà tuyển dụng đảm bảo. | | 2 | Chọn, bỏ chọn các CheckBox trong danh sách Jobs để tương ứng muốn thêm, bớt Nhà tuyển dụng đảm bảo |  | | 3 | Click nút Đồng ý | * Xét các nhà tuyển dụng trong danh sách đã chọn thành Nhà tuyển dụng đảm bảo, lưu vào cơ sở dữ liệu. Thông báo kết quả cho người quản lý. | | | | | |

### <Admin>Quản lý công việc VIPs

#### Lược đồ Use Case



#### Đặc tả Use Case

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **USE CASE – <Admin> Quản lý công việc VIPs** | | | | |
| **Mã số Use-case** | UC029 | **Phiên bản** | | 1.0 |
| **Tên Use-case** | <Admin>Quản lý công việc VIPs | | | |
| **Tác giả** |  | | | |
| **Date** | 29/03/2012 | **Mức độ ưu tiên** | High | |
| **Tác nhân:**  Người quản lý (admin).  **Khái quát:**  Ca sử dụng này cho phép người quản lý website có thể thêm, sửa, xóa danh sách VIP Jobs.  **Điều kiện tiên quyết:**  Người quản lý muốn sử dụng use case này, cần phải đăng nhập thành công tại trang admin.  **Điều kiện hoàn thành:**  Sau khi người quản lý thêm, xóa danh sách VIP Jobs, hệ thống sẽ cập nhật dữ liệu đó vào cơ sở dữ liệu. Thông báo lại người quản lý nếu có lỗi.  **Kịch bản thành công:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Người dùng (Người quản lý)** | **Hệ thống** | | 1 | Khi đăng nhập thành công, người quản lý chọn menu “VIP Jobs” trên thanh menu | - Hiển thị giao diện site quản lý VIP Jobs có chưa danh sách các Jobs trong cơ sở dữ liệu. | | 2 | Chọn, bỏ chọn các CheckBox trong danh sách Jobs để tương ứng muốn thêm, bớt VIP Jobs |  | | 3 | Click nút Đồng ý | * Cập nhật theo dữ liệu người quản lý vừa chọn vào cơ sở dữ liệu. Thông báo kết quả. | | | | | |

## Thuộc tính của hệ thống

### Khả năng sử dụng

**Giao diện**

* Tất cả văn bản, văn bản của hình ảnh và tài liệu trợ giúp đêu phải viết bằng Tiếng Việt.
* Giao diện phải thanh lịch, đơn giản và nổi bật.
* Tất cả các hình ảnh đều phải có thuộc tính “alt”.

**Khả năng sử dụng cho người dùng cuối**

* Các công cụ tìm kiếm phải dễ sử dụng.
* Website phải có trang trợ giúp cho những người mới dùng.
* Người sử dụng vẫn có thể sự dung những chức năng chính của hệ thống mà không cần đăng nhập.
* Hệ thống phải nhớ các thông tin (nhưng không phải thông tin mật) mà người dùng hay đưa ra như: tên, địa chỉ…

**Khả năng sử dụng cho người quản trị**

* Quản trị viên của Website không cần quá 1 ngày đào tạo để có thể sử dụng hệ thống hiệu quả
* Thông tin chi tiết về trợ giúp phải sẵn sàng cho người quản trị website, cả ở website và tài liệu riêng biệt.

**Cài đặt**

* Hệ thống phải dễ dàng để triển khai.Khách hàng có thể triển khai thành cồng và học cách cầu hình, bảo trì hệ thống trong vòng 1 ngày đào tạo
* Tài liệu về cài đặt phải được bao gồm.

### Độ tin cậy

* Dữ liệu ban đầu phải được thu thập một cách cẩn thận và chính xác
* Cơ sở dữ liệu phải được sao lưu thường xuyên và có thể được phục hồi nếu cần thiết
* Có một bộ lọc thư rác tốt
* Đánh giá hệ thống phải được xem là đáng tin cậy
* Không xung đột với các phần mềm khác
* Tỷ lệ xảy ra lỗi (ROFO): một số 0.005 là chấp nhận được. Nó có nghĩa là nó có thể chấp nhận được có 5 thất bại xảy ra trong mỗi 1000 đơn vị thời gian hoạt động (ví dụ như 5 thất bại trên 1000 giờ hoạt động).
* Thời gian hoawoatj động trung bình giữa các lần thất bại (MTBF): 1 tháng
* Thời gian trung bình để sửa chữa (MTTR): ngay lập tức khi quản trị viên phát hiện ra vấn đề hoặc trang web bị tấn công bởi một ai đó. Trung bình 1 ngày.
* Độ chính xác: độ chính xác của số nổi nên được làm tròn đến 0,01. Tất cả các đơn vị tiền tệ phải được hiển thị (ví dụ như $, đồng ...)
* Tối đa lỗi: 5 lỗi / KLOC.
* Bugs hoặc Tỷ lệ khuyết tật
* Lỗi nhỏ: lỗi liên quan đến giao diện
* Lỗi đáng kể: lỗi liên quan đến logic và nghiệp vụ nhỏ
* Lỗi nghiêm trọng: *chức năng không thể thực hiện một cách chính xác, mất hoàn toàn dữ liệu, ngắt kết nối đến máy chủ*

### Khả năng sẵn sàng

* Hệ thống có thể chạy 24 giờ 7 ngày
* Có thể được tắt khi nâng cấp và phải hiển thị một trang duy trì thay thế trong những dịp như vậy
* Tỷ lệ phần trăm của thời gian có sẵn khoảng 95-97%. Bởi vì hệ thống sử dụng giao thức client / server thông qua mạng Internet, chúng tôi không thể kiểm soát các trường hợp bất khả kháng như mất điện, bị ngắt kết nối mạng ...

### Bảo mật

* Bảo mật: hệ thống cung cấp phương pháp bảo vệ để bảo vệ thông tin người dùng từ bên ngoài hoặc từ những người dùng khác. Tất cả các thông tin của người sử dụng không phải có sẵn cho bất cứ ai hoặc phần mềm đó không phải là một phần của hệ thống. Người sử dụng mật khẩu là vô hình cho người quản trị hệ thống.
* Hệ thống phải cung cấp phương pháp để ngăn chặn các cuộc tấn công an ninh chung. Ví dụ: SQL injection, D-Dos ...
* Chuyển đổi thông tin bí mật phải được mã hóa.
* Hệ thống phải cung cấp các phương pháp an toàn cho người sử dụng để phục hồi mật khẩu của họ, bao gồm cả sự can thiệp của quản trị hệ thống.
* Bảo mật thông tin của khách hàng không nên được lưu trữ trên máy tính của khách hàng.
* Sử dụng một số kỹ thuật mật mã cho cơ sở dữ liệu
* Cung cấp các tùy chọn cho người dùng chọn để chia sẻ thông tin cá nhân
* Hạn chế các thông tin liên lạc giữa một số khu vực của chương trình
* Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu cho các biến quan trọng
* Phải sử dụng kết nối an toàn (SSL) để chuyển dữ liệu nhạy cảm

### Bảo trì

**Tiêu chuẩn code và quy ước đặt tên**

* Đầu ra của dự án phải bao gồm mã hóa tiêu chuẩn và tài liệu quy ướcđặt tên. Thực hiện mã nguồn là dễ dàng để duy trì.
* Tất cả phải được rõ ràng nhận xét, bao gồm cả tài liệu class và method,.
* Nếu một số thành phần được tái sử dụng, các tài liệu của những thành phần cũng phải được bao gồm.

**Thiết kế**

* The design of the system must be loosely coupled that chances on some module will not affect others.

**Email**

* The system must provide an email address to receive customer feedback or send emails.

### Tính di dộng

* Website can be used by any people with a browser and an Internet connection.

### Hiệu suất

**Thời gian tải**

* Mỗi trang nên hoàn toàn được hiển thị bên trong: trung bình 1.5 giây và tối đa 5 giây.
* Tìm kiếm nên trở về kết quả và hiển thị kết quả trong vòng 2 giây.
* Dữ liệu Thường xuyên truy cập phải được lưu trữ
* Dữ liệu tham khảo phải được lưu trữ

**Hệ thống mail**

* Mail server gửi email trong vòng 1 phút sau khi sự kiện liên quan xảy ra.

**Công suất**

* Hệ thống phục vụ một cách chính xác và hợp lý với ít nhất 1000 người sử dụng trực tuyến tại một thời điểm.
* Hệ thống có thể lưu trữ ít nhất là 100.000 địa điểm và 10.000 người sử dụng mà không ảnh hưởng đến tốc độ tải.
* Nếu hệ thống đang bận, nó có thông báo người dùng về điều đó.

**Độ tương thích**

* Hệ thống cung cấp đáp ứng cho độ phân giải màn hình phổ biến: 1024 \* 768, 1280 \* 800.
* Đầu ra phải tương thích với tất cả các trình duyệt phổ biến: Mozilla Firefox, Internet Explorer, Google Chrome, Apple Safari, và Opera.
* Thông tin của hệ thống có thể được truy cập bằng các máy trạm tìm kiếm.

# Tham khảo

[1] Wikipedia, 2011, 'Use case', 8 February, viewed 10 February 2011

<<http://en.wikipedia.org/wiki/Use_case>>

[2] Jeff Atwood,  2011, 'Suggested Edits and Edit Review' blog, February 5th, Stack Exchange, viewed 10 February 2011

<<http://blog.stackoverflow.com/2011/02/suggested-edits-and-edit-review>>